
Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Petitioner
Nguyên Đơn

Date of Birth
Ngày Sinh

vs.
kiện

Respondent
Bị Đơn

Date of Birth
Ngày Sinh

No. _____
Số _____

Proof of Service
Bằng Chứng Tổng Đạt
(RTS)
(RTS)

Clerk's Action Required: 2C
Việc Lục Sự Cần Làm: 2C

Proof of Service
Bằng Chứng Tổng Đạt

Important! Promptly file this completed form with the court clerk.

Quan Trọng! Nhanh chóng nộp mẫu đơn đã hoàn tất này cho lục sự tòa án.

Server declares:

Người tổng đạt tuyên bố:

1. My name is _____. I am 18 or older.
I am ☐ a peace officer ☐ **not** a party to this case.
Tôi tên là _____ . Tôi từ 18 tuổi trở lên.
Tôi là [-] một cảnh sát [-] không phải là một đương sự trong vụ án này.

2. **Able to Serve:**

Có Thể Tổng Đạt:

- A. ☐ **Personal Service:** I served the court documents checked in section 4 for this case to (name of party) _____.
Tổng Đạt Cá Nhân: Tôi đã tổng đạt văn kiện của tòa án được đánh dấu ở mục 4 đối với vụ án cho (tên của đương sự) _____
on (date) _____ at (time) _____
by giving the documents directly to them at this address:
vào (ngày) _____ vào (giờ) _____
bằng cách cung cấp văn kiện trực tiếp cho họ tại địa chỉ này:

B. [] Electronic Service:
Tổng Đạt Điện Tử:

Important! Do **not** use electronic service if your case involves the surrender of firearms, transfer of child custody, removing Respondent from the parties' shared residence, an incarcerated Respondent, or a petition for a vulnerable adult protection order is filed by someone other than the vulnerable adult. In these cases, after 2 unsuccessful attempts at personal service, you can ask the court to authorize electronic service. Court authorization is not necessary for vulnerable adult protection orders.

Quan Trọng! Không sử dụng việc tổng đạt điện tử nếu vụ án của quý vị liên quan đến việc giao nộp súng, chuyển giao quyền nuôi con, đưa Bị Đơn ra khỏi nơi ở chung của các bên, Bị Đơn bị giam giữ hoặc đơn xin lệnh bảo vệ người lớn yếu thế được nộp bởi người nào đó không phải là người lớn yếu thế. Trong các vụ án này, sau 2 lần tổng đạt cá nhân không thành công, quý vị có thể yêu cầu tòa án cho phép tổng đạt điện tử. Sự cho phép của tòa án là không cần thiết đối với các lệnh bảo vệ người lớn yếu thế.

I served the court documents checked in section **4** for this case to
(name of party) _____

Tôi đã tổng đạt văn kiện của tòa án được đánh dấu ở mục **4** đối với vụ án cho
(tên của đương sự)

on (date) _____ at (time) _____ via
vào (ngày) _____ lúc (giờ) _____ thông qua

[] email [] text [] social media applications [] other technology
email [-] tin nhắn [-] ứng dụng mạng xã hội [-] công nghệ khác

At the following email address/s, phone number/s, social media application and user name, or other address: _____

Tại (các) địa chỉ email, (các) số điện thoại, ứng dụng mạng xã hội và tên người dùng sau đây hoặc địa chỉ khác:

I received a read receipt or communication from the receiving party (describe or attach): _____

Tôi đã nhận được biên nhận đã đọc hoặc thông báo từ đương sự đang nhận (mô tả hoặc đính kèm):

C. [] Service by Mail: I served the court documents checked in section **4** for this case to (name of party) _____

Tổng Đạt bằng Thư: Tôi đã tổng đạt văn kiện của tòa án được đánh dấu ở mục **4** đối với vụ án cho (tên của đương sự)

on (date) _____ at (time) _____
vào (ngày) _____ lúc (giờ) _____

I sent **2** copies of the documents, postage prepaid: one by ordinary, first-class mail and one by other mail with certified or tracking information (attach receipts).

Tôi đã gửi **2** bản sao văn kiện, trả trước bưu phí: một bản bằng thư thông thường, hạng nhất và một bản bằng thư khác có thông tin được chứng nhận hoặc theo dõi (đính kèm biên nhận).

I sent the mail to this/these address/es: _____

Tôi đã gửi thư đến (các) địa chỉ này: _____

Clerk's Action: The court clerk shall forward a copy of this order immediately to the following law enforcement agency (*county or city*) _____

(*check only one*): ☐ Sheriff's Office or ☐ Police Department

(*List the same agency that entered the temporary order, if any*)

Việc Lục Sự Làm: Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp bản sao lệnh này ngay lập tức đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây (*quận hoặc thành phố*)

(*đánh dấu chỉ một mục*): ☐ Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc ☐ Sở Cảnh Sát
(*Liệt kê cùng cơ quan đã ban hành lệnh tạm thời, nếu có*)

This agency shall enter this order into WACIC and National Crime Info. Center (NCIC).

Cơ quan này sẽ nhập lệnh này vào WACIC và Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Quốc Gia (NCIC).

3. Not Able to Serve:

Không Thể Tổng Đạt:

☐ I was unable to make personal service on (*name of party*) _____.

I notified the serving party that service was not successful. Personal service was attempted on the following date/s _____.

Tôi đã không thể thực hiện tổng đạt cá nhân cho (*tên của đương sự*) _____.

Tôi đã thông báo cho đương sự đang tổng đạt rằng việc tổng đạt không thành công.

Tổng đạt cá nhân đã được cố gắng thực hiện vào (*các*) ngày sau đây

☐ Electronic service was attempted at the following address/es but it bounced back, was undeliverable, or there was no follow-up communication _____

Tổng đạt điện tử đã được cố gắng thực hiện tại (*các*) địa chỉ sau đây nhưng bị trả lại, không gửi được hoặc không có liên hệ tiếp theo

☐ I did not mail court documents to (*name of party*) _____ because I do not know the party's last known address.

Tôi đã không gửi văn kiện tòa án cho (*tên của đương sự*) _____

bởi vì tôi không biết địa chỉ được biết đến sau cùng của đương sự.

4. List of Documents:

Danh Sách Văn Kiện:

Important! You must check or write in the title of **every** document that you served. Use the "Other Documents" box to write in the title of any document not already listed.

Quan Trọng! Quý vị phải kiểm tra hoặc ghi tiêu đề của **mỗi** văn kiện mà quý vị đã tổng đạt. Sử dụng ô "Văn Kiện Khác" để ghi tiêu đề bất kỳ văn kiện nào đã không được liệt kê.

I served the following documents (*check all that apply*):

Tôi đã tổng đạt văn kiện sau đây (*đánh dấu tất cả mục thích hợp*):

New Petition Đơn Xin Mới	After a Full Hearing Sau Phiên Xét Xử Chính Thức
☐ Petition for Protection Order <i>Đơn Xin Lệnh Bảo Vệ</i>	☐ Protection Order <i>Lệnh Bảo Vệ</i>
☐ Temporary Protection Order and Hearing Notice <i>Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời và Thông Báo Phiên Xét Xử</i>	☐ Order to Surrender and Prohibit Weapons <i>Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí</i>
☐ Order to Surrender and Prohibit Weapons <i>Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí</i>	☐ Order Realigning Parties

[] A blank Law Enforcement and Confidential Information Form <i>Một Mẫu Đơn Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật và Thông Tin Mật để trống</i> [] Order Transferring Case and Setting Hearing <i>Lệnh Chuyển Giao Vụ Án và Thiết Lập Phiên Xét Xử</i> [] Reissuance of Temporary Protection Order and Notice of Hearing <i>Cấp Lại Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời và Thông Báo Phiên Xét Xử</i> [] Declaration/s of: _____ _____ _____ _____ <i>(Các) Tuyên Bố của:</i> [] Denial Order <i>Lệnh Từ Chối</i> [] Notice to Vulnerable Adult <i>Thông Báo cho Người Lớn Yếu Thế</i>	<i>Lệnh Sắp Xếp Lại Các Đương Đơn</i> [] Order Extending Order to Surrender and Prohibit Weapons <i>Lệnh Gia Hạn Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí</i>
Renewals Gia Hạn [] Motion for Renewal of Protection Order <i>Kiến Nghị Gia Hạn Lệnh Bảo Vệ</i> [] Order Setting Hearing on Renewal and Extending Order until Hearing <i>Lệnh Ấn Định Phiên Xét Xử về việc Gia Hạn và Kéo Dài Lệnh cho đến Phiên Xét Xử</i> [] Order for Renewal of Order for Protection <i>Lệnh Gia Hạn Lệnh Bảo Vệ</i>	Motions Kiến Nghị [] Motion to Modify or Terminate Protection Order <i>Kiến Nghị Sửa Đổi hoặc Chấm Dứt Lệnh Bảo Vệ</i> [] Motion for Surrender and Prohibition of Weapons <i>Kiến Nghị Giao Nộp và Cấm Vũ Khí</i> [] Notice of Hearing <i>Thông Báo Phiên Xét Xử</i> [] Motion to Realign Parties <i>Kiến Nghị Sắp Xếp Lại Các Đương Sự</i> [] Motion to Set Show Cause Hearing - Contempt <i>Kiến Nghị Yêu Cầu Trình Bày Nguyên Nhân Phiên Xét Xử - Tội Khinh Thường</i> [] Order on Hearing - Contempt <i>Lệnh về Phiên Xét Xử - Tội Khinh Thường</i> [] Order re Adequate Cause <i>Lệnh liên quan đến Nguyên Nhân Chính Đáng</i>

Weapons Compliance Tuân Thủ Giao Nộp Vũ Khí ☐ Findings and Order on Review: Weapons Surrender Compliance <i>Phán Quyết và Lệnh Tái Xét: Tuân Thủ Giao Nộp Vũ Khí</i> ☐ Order on Hearing - Contempt <i>Lệnh về Phiên Xét Xử - Tội Khinh Thường</i> ☐ A blank Proof of Surrender <i>Một Bằng Chứng Giao Nộp để trống</i> ☐ A blank Declaration of Non-Surrender <i>Một Tuyên Bố Không Giao Nộp để trống</i> ☐ Receipt for Surrender Weapons and Concealed Pistol License <i>Biên Nhận Giao Nộp Vũ Khí và Giấy Phép Sử Dụng Súng Lọc Được Giấu Kín</i> ☐ Order to Release Weapons <i>Lệnh Giao Vũ Khí</i>	After a Motion Hearing Sau Phiên Xét Xử Kiến Nghị ☐ Order Modifying or Terminating Protection Order <i>Lệnh Sửa Đổi hoặc Chấm Dứt Lệnh Bảo Vệ</i> ☐ Order to Surrender and Prohibit Weapons <i>Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí</i>
Other Documents Các Văn Kiện Khác ☐ _____ ☐ _____ ☐ _____ ☐ _____	

5. Fees Charged for Service:

Tổng Đạt Có Tính Phí:

☐ Does not apply.
Không áp dụng.

☐ Fees: \$ _____ + Mileage \$ _____ = Total: \$ _____
Phí: \$ _____ + Số dặm \$ _____ = Tổng: \$ _____

6. Firearms/Deadly Weapons:

Súng/Vũ Khí Chết Người:

If an Order to Surrender and Prohibit Weapons has been issued in this case. Restrained Person:

Nếu một Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí đã được ban hành trong vụ án này. Người Bị Ngăn Cấm:

☐ **surrendered** the ☐ firearms ☐ deadly weapons ☐ CPL.
(file *Law Enforcement Receipt* separately).
đã giao nộp [-] súng [-] vũ khí chết người [-] CPL.
(nộp riêng *Biên Nhận Của Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật*).

[] **did not surrender** the firearms/deadly weapons specified in the order (provide details related to what happened, including any denials of ownership/possession):

đã không giao nộp súng/vũ khí chết người được nêu rõ trong lệnh (cung cấp chi tiết liên quan đến những gì đã xảy ra, bao gồm bất kỳ sự từ chối nào về quyền sở hữu/sở hữu):

[] **asserted they have no** firearms, deadly weapons, or a CPL.

đã khẳng định họ không có súng, vũ khí chết người hoặc CPL.

7. **Other** (include details such as conduct at time of service, threats, avoidance of service, and statements regarding firearms possession):

Khác (bao gồm các chi tiết như hành vi tại thời điểm tổng đạt, đe dọa, trốn tránh tổng đạt và các tuyên bố liên quan đến việc sở hữu súng):

I declare, under penalty of perjury under the laws of the State of Washington, that the statements on this form are true.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong đơn này đều đúng sự thật.

Signed at (city and state):

Đã ký tại (thành phố và tiểu bang):

Date:

Ngày:

Signature of server

Chữ ký của người tổng đạt

Print or type name of server

Viết in hoặc đánh máy tên người tổng đạt

Law Enforcement Agency (if any)

Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật (nếu có)